

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Tuyết Nhung**

2. Bà **Lưu Thị Thúy Nga**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Trần Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Hôm ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã P giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Nữ Lưu L** - sinh năm 1986 (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Lê Tiến T** - sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ 34, phố T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Nữ Lưu L trình bày:

Chị và anh Lê Tiến T đăng ký kết hôn ngày 15/11/2006 tại UBND phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu ngay gia đình anh T. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì liên tục xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cãi chửi nhau, anh T thường xuyên đánh chị trong thời gian dài nên vợ chồng đã sống ly

thân được hơn một năm nay không ai quan tâm gì đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Việt H, sinh ngày 29/5/2007, cháu Lê Nhật H sinh ngày 29/5/2007 và cháu Lê Nhật Bằng N sinh ngày 19/01/2012.

Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị xác định không có gì nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo nhiều lần anh Lê Tiến T đến trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ do ông Lê Văn Q là bố đẻ nhận thay và cam kết sẽ chuyển đến cho anh T, nhưng anh T đều vắng mặt.

Trong quá trình làm việc được tổ dân phố và UBND phường A cho biết chị Nguyễn Nữ Lưu L và anh Lê Tiến T là công dân Tổ 34, phố T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng chị L, anh T từ tháng 11/2018 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị có đánh, chửi nhau, địa phương có đến hòa giải và can thiệp từ đó chị L đã bỏ nhà đi làm ăn. Nay chị L xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương đề nghị tòa án căn cứ vào tình hình thực tế, căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Nữ Lưu L.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Nữ Lưu L được ly hôn anh Lê Tiến T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 cháu Lê Việt H, sinh ngày 29/5/2007, cháu Lê Nhật H sinh ngày 29/5/2007 và cháu Lê Nhật Bằng N sinh ngày 19/01/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu thành niên. Anh Lê Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu. Nếu sau này anh T có mặt có đơn yêu cầu và có căn cứ thì đề nghị tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L trình bày không có, do anh T vắng mặt nên các quan hệ này không biết có hay không, khi nào anh T có mặt, các bên có tranh chấp, có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Nữ Lưu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thông báo, triệu tập chị Nguyễn Nữ Lưu L và anh Lê Tiến T đến Tòa án để làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, chị L đều có mặt, còn anh T đều vắng mặt không có lý do mặc dù tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bố để anh T nhận thay và cam kết sẽ thông báo và giao lại cho anh T. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 03/9/2020 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 14/9/2020, anh T có mặt ở nhà đã biết nhưng không nhận quyết định xét xử. Đến ngày xét xử chị L có mặt, anh T vắng mặt không có lý do. HĐXX Tòa án nhân dân thị xã P căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật và ấn định ngày xét xử trong Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng anh T cùng gia đình không nhận quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay ngày 29/9/2020 chị L có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T và gia đình nên tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Nữ Lưu L và anh Lê Tiến T đăng ký kết hôn ngày 15/11/2006 tại UBND phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Tổ 34, phố T, phường A, thị xã P, tỉnh

Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do nhiều nguyên nhân khác nhau, anh T hay đánh đập chị L, từ đó chị L bỏ đi làm ăn và sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai nữa, nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Xét lời trình bày của chị L tại điểm [2] Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh T đã sống ly thân từ lâu, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau nữa. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương thì thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị L đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân, hơn nữa trong quá trình giải quyết anh T không có mặt tại tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải để bày tỏ quan điểm của mình, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị Nguyễn Nữ Lưu L xác nhận vợ chồng có 03 cháu Lê Việt H, sinh ngày 29/5/2007, cháu Lê Nhật H sinh ngày 29/5/2007 và cháu Lê Nhật Bằng N sinh ngày 19/01/2012.

Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Xét yêu cầu của chị L là có căn chấp nhận, vì hiện nay anh T không có mặt tại tòa án, không có quan điểm gì về nuôi dưỡng con chung do đó không có cơ sở nào để giao con cho anh T nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị L xác nhận chị đi làm ăn thu nhập hàng tháng đủ điều kiện nuôi dưỡng và đủ thời gian chăm sóc giáo dục cả 03 cháu vì vậy cần giao cả 03 cháu cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu sau này anh T có mặt có đơn yêu cầu và có căn cứ pháp luật thì tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức:

Chị L xác định không có nên không đề nghị tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án chưa làm việc được với anh T về các mối quan hệ này nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn anh T có mặt, nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu giải quyết các mối quan hệ này thì tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Nữ Lưu L được ly hôn anh Lê Tiến T.

2. Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Nữ Lưu L trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Lê Việt H sinh ngày 29/5/2007, cháu Lê Nhật H sinh ngày 29/5/2007 và cháu Lê Nhật Bằng N sinh ngày 19/01/2012 kể từ tháng 10/2020 cho đến khi từng cháu thành niên và có khả năng lao động tự túc được. Anh Lê Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu.

Chị L và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:

HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn các bên có tranh chấp, có đơn đề nghị thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Nữ Lưu L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002448 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. (Xác nhận chị L đã nộp đủ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã P;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường A;
- Lưu HS - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng Thủy